

ĐIỂM TRẮC NGHIỆM - KỲ THI HỌC KÌ I - KHỐI 12

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
1	000003	Giang Nguyễn Quỳnh Anh	12A1	101	24	4.8	121	27	4.73	416	20	5	404	16	4	103	19	4.75	203	19	4.75	234	23	5.75	103	21	5.25
2	000007	Lâm Gia Bảo	12A1	101	23	4.6	123	30	5.25	317	19	4.75	404	18	4.5	103	22	5.5	203	19	4.75	234	20	5	103	16	4
3	000012	Lê Vũ Duy	12A1	101	20	4	121	23	4.03	317	17	4.25	404	13	3.25	104	12	3	203	14	3.5	345	15	3.75	104	21	5.25
4	000016	Nguyễn Văn Đài	12A1	103	22	4.4	124	28	4.9	119	24	6	403	23	5.75	104	23	5.75	203	21	5.25	123	23	5.75	104	22	5.5
5	000019	Nguyễn Hải Đăng	12A1	102	22	4.4	123	30	5.25	218	23	5.75	403	17	4.25	103	19	4.75	201	15	3.75	123	20	5	101	14	3.5
6	000023	La Hoài Giang	12A1	103	21	4.2	122	27	4.73	218	22	5.5	403	16	4	104	17	4.25	201	14	3.5	123	22	5.5	101	18	4.5
7	000024	Trần Thanh Giang	12A1	105	10	4	120	21	4.2	191	24	6	111	22	5.5			6	101	21	5.25	111	17	5.1			
8	000028	Trần Hồ Anh Hào	12A1	103	18	3.6	124	29	5.08	119	14	3.5	403	18	4.5	103	18	4.5	202	19	4.75	123	21	5.25	102	18	4.5
9	000031	Nguyễn Thị Diệu Hiền	12A1	102	20	4	121	27	4.73	416	8	2	403	8	2	102	16	4	203	8	2	123	17	4.25	102	15	3.75
10	000032	Nguyễn Quang Hoài	12A1	101	23	4.6	122	21	3.68	317	20	5	403	16	4	101	21	5.25	203	19	4.75	123	20	5	103	20	5
11	000033	Phan Thị Kim Hoàn	12A1	101	21	4.2	122	26	4.55	218	22	5.5	402	18	4.5	102	18	4.5	204	17	4.25	456	22	5.5	104	15	3.75
12	000035	Trần Huy Hoàng	12A1	104	21	4.2	123	17	2.98	218	8	2	403	9	2.25	104	21	5.25	201	14	3.5	123	22	5.5	101	15	3.75
13	000037	Nguyễn Hữu Hào Hùng	12A1	103	22	4.4	124	20	3.5	218	12	3	402	9	2.25	104	16	4	202	13	3.25	456	17	4.25	103	15	3.75
14	000040	Lưu Đức Huy	12A1	101	21	4.2	122	29	5.08	119	22	5.5	404	19	4.75	101	22	5.5	204	21	5.25	234	23	5.75	103	20	5
15	000041	Nguyễn Gia Huy	12A1	101	22	4.4	122	23	4.03	416	17	4.25	404	17	4.25	102	21	5.25	203	17	4.25	234	22	5.5	102	19	4.75
16	000043	Nguyễn Tấn Huy	12A1	104	20	4	123	30	5.25	416	14	3.5	401	15	3.75	104	18	4.5	202	16	4	345	19	4.75	101	18	4.5
17	000049	Lê Thị Thu Hương	12A1	101	19	3.8	122	26	4.55	218	20	5	404	19	4.75	102	22	5.5	204	21	5.25	234	22	5.5	103	22	5.5
18	000051	Cao Vương Khang	12A1	101	21	4.2	121	26	4.55	119	12	3	401	13	3.25	104	17	4.25	204	6	1.5	345	13	3.25	104	15	3.75
19	000056	Trần Ngọc Linh	12A1	103	24	4.8	121	29	5.08	416	24	6	404	21	5.25	103	23	5.75	202	19	4.75	234	23	5.75	103	20	5
20	000057	Trần Thị Nhật Linh	12A1	102	30	6	121	37	6.48	317	24	6	404	23	5.75	103	23	5.75	201	17	4.25	123	23	5.75	101	22	5.5
21	000058	Quách Gia Long	12A1	102	16	3.2	124	26	4.55	218	13	3.25	401	13	3.25	101	14	3.5	201	13	3.25	456	20	5	104	15	3.75
22	000062	Nguyễn Hồng Hải Ly	12A1	104	21	4.2	124	27	4.73	218	24	6	401	18	4.5	101	20	5	203	22	5.5	456	18	4.5	102	24	6
23	000064	Nguyễn Hồng Mai	12A1	103	21	4.2	122	28	4.9	218	21	5.25	402	19	4.75	102	22	5.5	202	17	4.25	345	19	4.75	101	22	5.5
24	000066	Nguyễn Hoàng Minh	12A1	102	18	3.6	121	20	3.5	218	9	2.25	403	13	3.25	102	17	4.25	201	10	2.5	123	17	4.25	102	16	4
25	000070	Lê Hoài Nam	12A1	104	21	4.2	123	27	4.73	416	21	5.25	403	14	3.5	104	23	5.75	203	22	5.5	123	23	5.75	104	22	5.5
26	000072	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	12A1	103	18	3.6	123	18	3.15	416	14	3.5	402	11	2.75	102	15	3.75	202	7	1.75	345	20	5	103	16	4
27	000074	Trần Thị Kim Ngọc	12A1	102	20	4	123	21	3.68	416	22	5.5	403	18	4.5	104	18	4.5	201	17	4.25	123	24	6	102	18	4.5
28	000076	Nguyễn Trần Minh Nhật	12A1	104	22	4.4	121	24	4.2	416	20	5	401	17	4.25	103	18	4.5	202	9	2.25	123	19	4.75	101	18	4.5

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
29	000080	Giang Tâm Như	12A1	102	22	4.4	121	27	4.73	416	22	5.5	401	18	4.5	101	23	5.75	203	21	5.25	345	24	6	103	23	5.75
30	000082	Đào Đức Phát	12A1	101	24	4.8	122	29	5.08	218	22	5.5	404	22	5.5	102	24	6	201	19	4.75	456	23	5.75	104	21	5.25
31	000085	Ong Lê Phú	12A1	102	21	4.2	121	27	4.73	317	20	5	401	18	4.5	103	22	5.5	202	17	4.25	456	23	5.75	102	17	4.25
32	000086	Trần Đức Phú	12A1	102	20	4	123	22	3.85	218	20	5	404	14	3.5	102	16	4	202	16	4	234	20	5	102	18	4.5
33	000089	Trần Bảo Phúc	12A1	104	22	4.4	123	25	4.38	317	23	5.75	403	19	4.75	101	20	5	203	21	5.25	234	23	5.75	104	23	5.75
34	000090	Huỳnh Quang Phước	12A1	104	14	2.8	123	22	3.85	218	19	4.75	402	14	3.5	104	23	5.75	201	15	3.75	345	20	5	104	21	5.25
35	000093	Lê Văn Quân	12A1	102	24	4.8	124	27	4.73	317	24	6	403	24	6	101	22	5.5	204	21	5.25	456	21	5.25	102	22	5.5
36	000097	Nguyễn Hồng Quý	12A1	104	21	4.2	124	26	4.55	119	21	5.25	403	14	3.5	103	18	4.5	204	20	5	234	17	4.25	104	16	4
37	000098	Nguyễn Thị Yến Sơn	12A1	104	19	3.8	122	26	4.55	416	21	5.25	402	20	5	102	20	5	203	16	4	345	22	5.5	102	20	5
38	000100	Đoàn Lê Thanh Tâm	12A1	101	19	3.8	121	18	3.15	119	20	5	404	17	4.25	104	15	3.75	201	13	3.25	345	18	4.5	104	22	5.5
39	000102	Hoàng Hồng Thái	12A1	103	24	4.8	123	28	4.9	119	24	6	401	14	3.5	101	22	5.5	203	18	4.5	123	22	5.5	104	20	5
40	000115	Nguyễn Thảo Trang	12A1	102	24	4.8	123	32	5.6	416	19	4.75	404	18	4.5	102	19	4.75	203	18	4.5	345	21	5.25	103	21	5.25
41	000120	Trương Quốc Trung	12A1	104	22	4.4	124	25	4.38	317	21	5.25	403	20	5	103	19	4.75	204	18	4.5	123	22	5.5	103	22	5.5
42	000121	Nguyễn Đăng Tú	12A1	103	18	3.6	124	25	4.38	218	16	4	401	13	3.25	104	17	4.25	201	15	3.75	345	20	5	104	19	4.75
43	000124	Đinh Thị Thanh Tuyền	12A1	104	26	5.2	124	24	4.2	317	17	4.25	403	16	4	103	20	5	204	17	4.25	123	22	5.5	103	21	5.25
44	000125	Đào Võ Tuyết Vi	12A1	103	25	5	124	28	4.9	218	20	5	401	13	3.25	102	22	5.5	201	13	3.25	234	23	5.75	101	21	5.25
45	000001	Nguyễn Thanh An	12A2	103	22	4.4	124	26	4.55	416	21	5.25	401	16	4	101	20	5	202	15	3.75	345	20	5	104	18	4.5
46	000002	Đỗ Thị Lan Anh	12A2	104	24	4.8	123	27	4.73	119	16	4	401	18	4.5	102	19	4.75	202	16	4	234	20	5	103	19	4.75
47	000004	Nguyễn Châu Anh	12A2	101	20	4	124	30	5.25	119	22	5.5	404	21	5.25	104	21	5.25	203	20	5	345	23	5.75	102	19	4.75
48	000008	Lê Hoài Bảo	12A2	Vắng	Vắng	Vắng	121	28	4.9	218	22	5.5	404	17	4.25	104	18	4.5	203	17	4.25	345	22	5.5	102	22	5.5
49	000009	Phan Duyên Bình	12A2	104	18	3.6	121	32	5.6	317	16	4	401	8	2	101	17	4.25	204	18	4.5	345	21	5.25	102	18	4.5
50	000011	Võ Minh Cường	12A2	101	24	4.8	122	25	4.38	317	22	5.5	404	17	4.25	103	20	5	201	19	4.75	234	22	5.5	103	18	4.5
51	000013	Cao Nguyễn Mỹ Duyên	12A2	102	21	4.2	122	34	5.95	416	18	4.5	402	14	3.5	101	20	5	204	17	4.25	123	21	5.25	102	20	5
52	000014	Ngô Hồ Kỳ Duyên	12A2	102	22	4.4	124	29	5.08	119	22	5.5	402	16	4	102	23	5.75	202	17	4.25	456	19	4.75	101	21	5.25
53	000022	Hoàng Mạnh Đức	12A2	102	23	4.6	122	31	5.43	317	20	5	402	19	4.75	102	23	5.75	204	17	4.25	456	22	5.5	101	19	4.75
54	000026	Nguyễn Lê Duy Hải	12A2	104	21	4.2	123	28	4.9	119	22	5.5	404	17	4.25	103	21	5.25	201	19	4.75	456	22	5.5	103	21	5.25
55	000029	Nguyễn Ngọc Gia Hân	12A2	103	19	3.8	124	28	4.9	416	21	5.25	402	16	4	104	20	5	201	17	4.25	456	21	5.25	102	20	5
56	000030	Ngô Thanh Hậu	12A2	102	24	4.8	121	30	5.25	119	22	5.5	402	17	4.25	101	17	4.25	204	20	5	456	24	6	104	20	5
57	000042	Nguyễn Hoàng Huy	12A2	104	27	5.4	123	27	4.73	119	23	5.75	401	18	4.5	103	22	5.5	201	17	4.25	345	21	5.25	101	23	5.75
58	000044	Nguyễn Thái Gia Huy	12A2	103	18	3.6	124	34	5.95	317	21	5.25	404	22	5.5	103	21	5.25	202	16	4	234	22	5.5	104	20	5
59	000045	Trần Nhật Huy	12A2	103	15	3	124	32	5.6	218	18	4.5	404	16	4	104	17	4.25	201	15	3.75	234	20	5	104	17	4.25

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
60	000047	Hoàng Ngọc Hưng	12A2	102	23	4.6	121	28	4.9	218	18	4.5	401	22	5.5	102	22	5.5	203	21	5.25	345	22	5.5	101	20	5
61	000052	Mai Minh Khang	12A2	101	22	4.4	122	36	6.3	416	20	5	404	16	4	104	22	5.5	204	17	4.25	234	20	5	103	17	4.25
62	000053	Trần Phú Khang	12A2	104	18	3.6	124	38	6.65	119	23	5.75	404	17	4.25	102	13	3.25	203	21	5.25	123	21	5.25	101	23	5.75
63	000054	Nguyễn Gia Khánh	12A2	104	20	4	121	30	5.25	416	23	5.75	401	18	4.5	101	22	5.5	203	18	4.5	456	21	5.25	104	22	5.5
64	000060	Ngô Hữu Lợi	12A2	101	23	4.6	121	22	3.85	218	17	4.25	404	21	5.25	102	22	5.5	204	22	5.5	234	23	5.75	101	20	5
65	000061	Nguyễn Hữu Luân	12A2	104	22	4.4	121	26	4.55	317	23	5.75	404	15	3.75	103	22	5.5	203	16	4	123	22	5.5	103	22	5.5
66	000063	Cao Thị Hồng Lý	12A2	103	22	4.4	123	29	5.08	317	23	5.75	402	21	5.25	101	19	4.75	202	20	5	456	22	5.5	104	21	5.25
67	000065	Nguyễn Huy Mạnh	12A2	102	21	4.2	122	27	4.73	317	23	5.75	403	18	4.5	104	14	3.5	201	19	4.75	234	23	5.75	103	20	5
68	000067	Trần Nhật Minh	12A2	101	19	3.8	122	31	5.43	317	18	4.5	402	13	3.25	103	17	4.25	204	16	4	456	23	5.75	104	16	4
69	000069	Nguyễn Vũ Anh Mỹ	12A2	104	24	4.8	122	29	5.08	119	21	5.25	403	15	3.75	103	21	5.25	203	11	2.75	234	18	4.5	101	20	5
70	000071	Trương Tuyết Nga	12A2	103	15	3	124	21	3.68	119	14	3.5	402	20	5	101	18	4.5	202	20	5	456	20	5	102	24	6
71	000077	Phạm Minh Nhật	12A2	102	24	4.8	124	27	4.73	119	20	5	401	22	5.5	101	21	5.25	204	22	5.5	456	23	5.75	102	18	4.5
72	000078	Phạm Yến Nhi	12A2	103	17	3.4	122	29	5.08	416	9	2.25	404	15	3.75	103	17	4.25	203	12	3	234	20	5	102	21	5.25
73	000079	Trần Thị Thảo Nhi	12A2	101	19	3.8	123	29	5.08	119	22	5.5	404	19	4.75	102	21	5.25	204	19	4.75	345	19	4.75	103	22	5.5
74	000081	Huỳnh Thị Như	12A2	104	23	4.6	124	24	4.2	119	15	3.75	401	19	4.75	104	15	3.75	202	17	4.25	234	24	6	104	22	5.5
75	000084	Hoàng Gia Triệu Phú	12A2	103	21	4.2	124	27	4.73	218	23	5.75	401	21	5.25	101	20	5	202	20	5	123	23	5.75	101	22	5.5
76	000087	Nguyễn Hoàng Phúc	12A2	101	22	4.4	122	28	4.9	317	22	5.5	404	17	4.25	104	20	5	203	11	2.75	345	21	5.25	103	16	4
77	000088	Nguyễn Ngọc Phúc	12A2	101	21	4.2	124	23	4.03	218	24	6	403	17	4.25	103	20	5	204	20	5	456	21	5.25	103	22	5.5
78	000094	Nguyễn Hoàng Quân	12A2	102	20	4	122	22	3.85	416	22	5.5	402	14	3.5	104	17	4.25	201	18	4.5	123	23	5.75	102	22	5.5
79	000096	Hoàng Lê Bảo Quốc	12A2	104	22	4.4	121	22	3.85	416	17	4.25	403	18	4.5	101	18	4.5	201	16	4	456	21	5.25	103	20	5
80	000104	Nguyễn Hồng Thảo	12A2	102	28	5.6	122	36	6.3	119	24	6	404	20	5	103	22	5.5	204	22	5.5	456	24	6	103	24	6
81	000105	Trang Ngọc Thảo	12A2	101	22	4.4	122	27	4.73	416	19	4.75	403	19	4.75	104	15	3.75	201	18	4.5	234	22	5.5	104	22	5.5
82	000106	Nguyễn Hữu Thiện	12A2	103	25	5	123	32	5.6	119	15	3.75	401	15	3.75	101	16	4	203	10	2.5	345	15	3.75	101	18	4.5
83	000109	Nguyễn Anh Thư	12A2	101	21	4.2	122	27	4.73	317	21	5.25	403	18	4.5	104	21	5.25	201	18	4.5	234	23	5.75	104	24	6
84	000110	Chu Thị Hoài Thương	12A2	103	21	4.2	121	29	5.08	218	24	6	401	19	4.75	101	19	4.75	202	22	5.5	345	24	6	101	23	5.75
85	000118	Phan Chí Trọng	12A2	101	20	4	121	34	5.95	119	18	4.5	402	22	5.5	101	23	5.75	203	22	5.5	234	21	5.25	104	23	5.75
86	000122	Phạm Lê Đình Tuấn	12A2	101	18	3.6	121	30	5.25	317	16	4	402	15	3.75	101	14	3.5	203	21	5.25	234	23	5.75	101	24	6
87	000126	Nguyễn Hoàng Thủy Vi	12A2	103	22	4.4	124	32	5.6	416	21	5.25	402	20	5	101	21	5.25	204	18	4.5	123	22	5.5	103	21	5.25
88	000005	Nguyễn Lê Tuấn Anh	12A3	104	21	4.2	123	27	4.73	416	21	5.25	401	15	3.75	101	20	5	202	13	3.25	345	16	4	102	21	5.25
89	000006	Nguyễn Văn Anh	12A3	104	19	3.8	124	27	4.73	119	19	4.75	401	8	2	102	19	4.75	202	14	3.5	234	20	5	103	21	5.25
90	000010	Đặng Thị Thanh Chúc	12A3	104	21	4.2	124	30	5.25	218	19	4.75	401	18	4.5	102	21	5.25	202	20	5	234	23	5.75	101	23	5.75

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
91	000015	Phan Nguyễn Quỳnh Dương	12A3	103	24	4.8	123	28	4.9	416	23	5.75	403	21	5.25	103	23	5.75	201	13	3.25	456	24	6	103	21	5.25
92	000017	Mai Phát Đạt	12A3	103	19	3.8	122	24	4.2	416	24	6	402	17	4.25	101	22	5.5	204	19	4.75	123	23	5.75	102	19	4.75
93	000018	Trịnh Quốc Đạt	12A3	102	20	4	121	29	5.08	119	23	5.75	402	17	4.25	102	22	5.5	201	14	3.5	456	22	5.5	101	23	5.75
94	000020	Nguyễn Khánh Đăng	12A3	103	24	4.8	123	25	4.38	317	23	5.75	403	14	3.5	104	20	5	201	12	3	123	21	5.25	104	21	5.25
95	000021	Ngô Thanh Điền	12A3	102	18	3.6	121	15	2.63	218	16	4	402	16	4	101	22	5.5	204	18	4.5	456	24	6	104	19	4.75
96	000025	Nguyễn Thị Kim Giàu	12A3	101	24	4.8	122	21	3.68	218	24	6	403	16	4	103	21	5.25	202	13	3.25	123	19	4.75	101	20	5
97	000027	Đặng Thị Hồng Hạnh	12A3	104	16	3.2	123	27	4.73	416	21	5.25	403	16	4	104	22	5.5	202	19	4.75	123	20	5	103	16	4
98	000034	Lâm Nguyễn Sanh Hoàng	12A3	104	26	5.2	123	38	6.65	317	24	6	402	21	5.25	103	23	5.75	202	21	5.25	456	22	5.5	104	23	5.75
99	000036	Trần Quốc Anh Hoàng	12A3	103	22	4.4	124	26	4.55	317	21	5.25	403	16	4	103	21	5.25	201	14	3.5	123	20	5	103	22	5.5
100	000038	Bùi Gia Huy	12A3	102	25	5	121	30	5.25	119	23	5.75	401	15	3.75	101	22	5.5	203	17	4.25	345	23	5.75	102	24	6
101	000039	Bùi Văn Huy	12A3	102	22	4.4	121	26	4.55	416	24	6	401	21	5.25	102	23	5.75	204	20	5	345	24	6	101	22	5.5
102	000046	Võ Bùi Quang Huy	12A3	102	20	4	121	31	5.43	317	20	5	401	10	2.5	101	19	4.75	204	15	3.75	345	21	5.25	102	22	5.5
103	000048	Nguyễn Đặng Phước Hưng	12A3	101	18	3.6	122	22	3.85	317	21	5.25	404	15	3.75	101	20	5	203	6	1.5	234	20	5	101	18	4.5
104	000050	Trần Quang Khải	12A3	102	19	3.8	123	23	4.03	119	15	3.75	402	13	3.25	103	14	3.5	204	18	4.5	345	19	4.75	104	23	5.75
105	000055	Trần Nguyễn Anh Khoa	12A3	103	25	5	122	27	4.73	119	24	6	401	19	4.75	104	23	5.75	202	21	5.25	345	23	5.75	102	23	5.75
106	000059	Hoàng Phúc Lộc	12A3	101	14	2.8	124	19	3.33	317	13	3.25	401	15	3.75	103	12	3	204	8	2	345	14	3.5	102	19	4.75
107	000068	Phan Thảo My	12A3	101	24	4.8	124	30	5.25	218	23	5.75	402	18	4.5	101	22	5.5	204	21	5.25	345	23	5.75	103	23	5.75
108	000073	Trương Nguyễn Ngọc Ngân	12A3	102	21	4.2	123	24	4.2	119	21	5.25	403	11	2.75	101	21	5.25	201	14	3.5	234	18	4.5	101	23	5.75
109	000075	Huỳnh Minh Nhật	12A3	102	24	4.8	123	26	4.55	218	18	4.5	402	17	4.25	102	17	4.25	201	15	3.75	123	22	5.5	101	23	5.75
110	000083	Trương Thanh Phong	12A3	103	17	3.4	123	30	5.25	317	19	4.75	404	9	2.25	104	14	3.5	203	7	1.75	123	22	5.5	101	15	3.75
111	000091	Lê Văn Phước	12A3	103	21	4.2	122	22	3.85	317	22	5.5	402	21	5.25	102	23	5.75	203	14	3.5	123	23	5.75	101	20	5
112	000092	Dương Hải Huyền Phương	12A3	103	22	4.4	121	20	3.5	218	20	5	403	18	4.5	103	18	4.5	204	16	4	234	22	5.5	101	18	4.5
113	000095	Nguyễn Văn Quân	12A3	101	20	4	123	23	4.03	119	16	4	402	15	3.75	102	19	4.75	202	9	2.25	345	17	4.25	103	14	3.5
114	000099	Nguyễn Duy Tài	12A3	103	22	4.4	123	27	4.73	218	19	4.75	402	14	3.5	104	19	4.75	201	13	3.25	123	18	4.5	101	19	4.75
115	000101	Trần Xuân Tấn	12A3	103	23	4.6	124	25	4.38	119	22	5.5	402	2	0.5	103	18	4.5	204	22	5.5	456	21	5.25	101	22	5.5
116	000103	Cao Thị Diệp Thanh	12A3	104	22	4.4	123	27	4.73	416	23	5.75	402	16	4	102	21	5.25	202	21	5.25	456	21	5.25	102	21	5.25
117	000107	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12A3	104	14	2.8	123	26	4.55	416	13	3.25	402	13	3.25	102	17	4.25	202	12	3	123	19	4.75	102	17	4.25
118	000108	Lê Nguyễn Anh Thư	12A3	102	21	4.2	122	29	5.08	317	21	5.25	404	17	4.25	103	22	5.5	201	14	3.5	456	20	5	103	19	4.75
119	000111	Nguyễn Thị Hoài Thương	12A3	104	20	4	123	28	4.9	317	23	5.75	402	13	3.25	102	21	5.25	203	19	4.75	123	23	5.75	103	22	5.5
120	000112	Nguyễn Thị Xuân Thương	12A3	102	23	4.6	124	28	4.9	218	23	5.75	404	19	4.75	103	21	5.25	201	7	1.75	456	21	5.25	102	21	5.25
121	000113	Nguyễn Trung Tín	12A3	101	20	4	122	23	4.03	317	22	5.5	403	12	3	104	15	3.75	204	13	3.25	234	17	4.25	101	18	4.5

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
122	000114	Hoàng Huyền Trang	12A3	101	21	4.2	121	26	4.55	119	24	6	402	21	5.25	101	22	5.5	202	22	5.5	234	22	5.5	104	22	5.5
123	000116	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A3	104	24	4.8	124	25	4.38	119	23	5.75	403	18	4.5	103	23	5.75	201	17	4.25	123	22	5.5	102	22	5.5
124	000117	Ngô Thiên Triều	12A3	103	21	4.2	122	25	4.38	416	18	4.5	401	12	3	104	21	5.25	204	18	4.5	456	23	5.75	101	19	4.75
125	000119	Nguyễn Hàn Tùng Phong Trúc	12A3	102	24	4.8	121	32	5.6	416	17	4.25	404	21	5.25	102	22	5.5	202	20	5	456	20	5	102	19	4.75
126	000123	Nguyễn Hữu Tùng	12A3	102	23	4.6	121	27	4.73	218	22	5.5	404	18	4.5	104	21	5.25	202	17	4.25	345	21	5.25	102	21	5.25
127	000127	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	12A3	104	22	4.4	122	28	4.9	218	18	4.5	401	17	4.25	102	23	5.75	202	18	4.5	345	21	5.25	104	20	5
128	000128	Dư Vũ Văn Anh	12A4	102	12	2.4	123	27	4.73	182	21	5.25	420	16	4	114	16	4	204	20	5	303	18	4.5	101	14	3.5
129	000139	Trương Gia Bảo	12A4	101	12	2.4	124	21	3.68	191	16	4	440	13	3.25	113	9	2.25	201	19	4.75	101	18	4.5	101	19	4.75
130	000140	Trương Quốc Bảo	12A4	104	17	3.4	122	28	4.9	182	17	4.25	410	10	2.5	112	12	3	202	20	5	202	12	3	103	18	4.5
131	000142	Nguyễn Hồ Ngọc Bích	12A4	101	18	3.6	121	25	4.38	164	24	6	440	21	5.25	112	20	5	203	23	5.75	101	17	4.25	104	17	4.25
132	000155	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12A4	102	19	3.8	123	28	4.9	182	24	6	420	20	5	113	22	5.5	204	23	5.75	303	20	5	102	17	4.25
133	000159	Phạm Thị Thùy Dương	12A4	102	16	3.2	123	20	3.5	164	16	4	420	16	4	111	14	3.5	201	18	4.5	101	12	3	104	11	2.75
134	000160	Nguyễn Long Thành Đạt	12A4	101	15	3	124	19	3.33	173	8	2	420	10	2.5	114	22	5.5	202	10	2.5	101	12	3	104	10	2.5
135	000163	Nguyễn Hồng Gấm	12A4	102	18	3.6	121	25	4.38	164	24	6	420	18	4.5	111	14	3.5	203	22	5.5	303	16	4	102	15	3.75
136	000164	Đỗ Văn Anh Hào	12A4	103	14	2.8	124	24	4.2	182	13	3.25	430	14	3.5	112	14	3.5	204	22	5.5	303	16	4	102	15	3.75
137	000167	Huỳnh Ngọc Cẩm Hằng	12A4	104	16	3.2	121	23	4.03	191	24	6	440	18	4.5	113	21	5.25	203	23	5.75	101	21	5.25	104	17	4.25
138	000171	Cao Thanh Hậu	12A4	104	20	4	123	28	4.9	173	19	4.75	440	18	4.5	113	19	4.75	202	20	5	303	17	4.25	102	10	2.5
139	000173	Trần Hoàng Hiệp	12A4	101	16	3.2	124	29	5.08	173	16	4	430	18	4.5	111	15	3.75	201	22	5.5	202	16	4	103	15	3.75
140	000175	Dương Huế Hoa	12A4	104	20	4	123	27	4.73	173	23	5.75	440	21	5.25	111	19	4.75	204	22	5.5	101	17	4.25	104	13	3.25
141	000185	Nguyễn Phan Gia Huy	12A4	103	19	3.8	121	20	3.5	173	11	2.75	420	18	4.5	112	11	2.75	204	21	5.25	303	18	4.5	102	11	2.75
142	000187	Phạm Thị Ngọc Huyền	12A4	101	11	2.2	123	15	2.63	173	16	4	440	14	3.5	114	10	2.5	203	10	2.5	202	11	2.75	101	12	3
143	000192	Nguyễn Quỳnh Kim Khánh	12A4	104	15	3	121	19	3.33	191	12	3	410	12	3	111	9	2.25	204	19	4.75	101	14	3.5	103	15	3.75
144	000195	Lê Vũ Anh Khoa	12A4	103	18	3.6	122	25	4.38	182	23	5.75	420	22	5.5	114	19	4.75	201	23	5.75	404	20	5	101	16	4
145	000201	Ngô Thùy Linh	12A4	103	15	3	121	20	3.5	182	16	4	440	16	4	113	10	2.5	201	18	4.5	404	16	4	103	11	2.75
146	000209	Huỳnh Ngọc Tuyết Mai	12A4	103	21	4.2	121	26	4.55	164	23	5.75	440	24	6	111	20	5	202	23	5.75	404	17	4.25	101	19	4.75
147	000212	Quách Chánh Mẫn	12A4	102	20	4	123	20	3.5	173	10	2.5	420	17	4.25	113	13	3.25	204	17	4.25	303	11	2.75	104	14	3.5
148	000213	Lê Nguyễn Hoàng Minh	12A4	102	18	3.6	123	24	4.2	164	24	6	420	21	5.25	112	17	4.25	204	23	5.75	202	21	5.25	101	14	3.5
149	000217	Dương Văn Nga	12A4	102	24	4.8	121	26	4.55	164	24	6	420	22	5.5	113	22	5.5	202	23	5.75	404	22	5.5	103	19	4.75
150	000221	Nguyễn Lê Bảo Ngân	12A4	102	8	1.6	123	22	3.85	182	11	2.75	420	8	2	114	12	3	204	10	2.5	202	11	2.75	103	11	2.75
151	000223	Nguyễn Thị Bích Ngân	12A4	101	11	2.2	124	22	3.85	182	15	3.75	430	10	2.5	114	8	2	203	23	5.75	101	8	2	102	15	3.75
152	000229	Nguyễn Đức Tuấn Ngọc	12A4	103	18	3.6	121	24	4.2	191	15	3.75	420	14	3.5	112	12	3	203	16	4	101	21	5.25	103	11	2.75

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
153	000230	Nguyễn Thị Kim Ngọc	12A4	101	19	3.8	122	25	4.38	164	18	4.5	410	18	4.5	113	16	4	201	22	5.5	202	18	4.5	104	14	3.5
154	000239	Lê Ngọc Nhi	12A4	102	17	3.4	123	16	2.8	173	18	4.5	440	15	3.75	114	14	3.5	202	13	3.25	404	12	3	104	12	3
155	000245	Trần Thị Yến Nhi	12A4	104	21	4.2	122	28	4.9	191	24	6	410	20	5	112	14	3.5	203	23	5.75	202	19	4.75	103	19	4.75
156	000253	Lê Xuân Hoàng Phát	12A4	104	18	3.6	124	24	4.2	164	20	5	440	17	4.25	114	15	3.75	203	22	5.5	101	19	4.75	103	17	4.25
157	000260	Đinh Thùy Uyên Phương	12A4	Vắng	Vắng	Vắng	122	25	4.38	173	21	5.25	420	19	4.75	111	14	3.5	203	22	5.5	404	18	4.5	103	16	4
158	000262	Nguyễn Thanh Phương	12A4	102	17	3.4	123	21	3.68	191	18	4.5	440	17	4.25	113	16	4	202	23	5.75	202	15	3.75	101	17	4.25
159	000264	Lê Minh Quan	12A4	103	22	4.4	122	25	4.38	191	8	2	410	12	3	111	14	3.5	201	16	4	101	17	4.25	101	16	4
160	000269	Đậu Xuân Quốc	12A4	102	19	3.8	122	19	3.33	182	14	3.5	440	12	3	114	9	2.25	203	16	4	101	10	2.5	102	13	3.25
161	000273	Nguyễn Kim Quyển	12A4	102	18	3.6	122	27	4.73	182	19	4.75	420	14	3.5	114	15	3.75	201	20	5	303	18	4.5	104	15	3.75
162	000277	Nguyễn Hoàng Sơn	12A4	101	20	4	123	26	4.55	173	16	4	440	17	4.25	114	19	4.75	203	23	5.75	303	14	3.5	102	17	4.25
163	000279	Nguyễn Hữu Tấn Tài	12A4	104	21	4.2	124	21	3.68	173	14	3.5	410	14	3.5	111	11	2.75	202	14	3.5	101	10	2.5	101	12	3
164	000291	Phạm Ngọc Thảo	12A4	102	26	5.2	124	34	5.95	164	24	6	420	24	6	114	24	6	204	23	5.75	404	22	5.5	103	19	4.75
165	000306	Hồ Thanh Tiền	12A4	104	15	3	124	21	3.68	182	13	3.25	410	16	4	114	13	3.25	203	21	5.25	101	17	4.25	101	13	3.25
166	000321	Võ Thanh Tùng	12A4	101	13	2.6	121	20	3.5	191	18	4.5	420	12	3	113	13	3.25	204	14	3.5	101	16	4	101	16	4
167	000325	Nguyễn Vũ Ái Vi	12A4	104	19	3.8	121	20	3.5	191	22	5.5	410	19	4.75	113	12	3	201	21	5.25	404	17	4.25	101	9	2.25
168	000332	Đặng Ngọc Trường Vy	12A4	103	17	3.4	124	31	5.43	173	24	6	410	23	5.75	114	20	5	203	23	5.75	404	21	5.25	101	20	5
169	000334	Nguyễn Đặng Khả Vy	12A4	102	18	3.6	121	22	3.85	191	21	5.25	440	20	5	112	16	4	202	22	5.5	303	22	5.5	102	21	5.25
170	000344	Đặng Thị Mỹ Yên	12A4	101	17	3.4	122	24	4.2	182	21	5.25	430	13	3.25	111	14	3.5	202	22	5.5	202	20	5	101	15	3.75
171	000345	Dương Thị Kim Yến	12A4	102	19	3.8	123	26	4.55	191	23	5.75	420	19	4.75	112	13	3.25	201	22	5.5	101	17	4.25	102	18	4.5
172	000349	Nguyễn Thị Hải Yến	12A4	101	14	2.8	121	26	4.55	182	16	4	410	10	2.5	112	13	3.25	201	22	5.5	303	15	3.75	102	16	4
173	000131	Nguyễn Thanh Kim Anh	12A5	101	22	4.4	122	16	2.8	191	24	6	440	18	4.5	113	17	4.25	201	23	5.75	101	10	2.5	103	13	3.25
174	000132	Nguyễn Tiến Anh	12A5	102	22	4.4	124	23	4.03	182	23	5.75	410	17	4.25	112	16	4	204	20	5	101	19	4.75	103	17	4.25
175	000137	Phạm Ngọc Ánh	12A5	104	21	4.2	123	28	4.9	173	24	6	410	21	5.25	113	19	4.75	204	22	5.5	202	22	5.5	102	19	4.75
176	000151	Lê Văn Dũng	12A5	103	16	3.2	121	15	2.63	191	20	5	420	18	4.5	111	17	4.25	203	22	5.5	303	11	2.75	101	16	4
177	000172	Nguyễn Xuân Hiền	12A5	103	17	3.4	122	26	4.55	164	20	5	430	13	3.25	114	11	2.75	203	22	5.5	303	17	4.25	102	15	3.75
178	000174	Phạm Trung Hiếu	12A5	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
179	000176	Nguyễn Thị Kim Hoa	12A5	103	25	5	123	30	5.25	164	22	5.5	410	18	4.5	112	21	5.25	204	23	5.75	202	22	5.5	103	18	4.5
180	000179	Phạm Trần Gia Hòa	12A5	104	12	2.4	123	19	3.33	191	15	3.75	430	13	3.25	113	15	3.75	201	20	5	202	13	3.25	101	15	3.75
181	000189	Phạm Tấn Hưng	12A5	104	20	4	124	29	5.08	164	23	5.75	430	17	4.25	112	14	3.5	204	23	5.75	101	20	5	104	16	4
182	000193	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	12A5	101	18	3.6	124	19	3.33	164	17	4.25	430	17	4.25	112	8	2	202	18	4.5	101	12	3	102	15	3.75
183	000196	Nguyễn Huỳnh Anh Khoa	12A5	104	13	2.6	124	17	2.98	173	13	3.25	440	9	2.25	111	12	3	204	20	5	101	14	3.5	101	14	3.5

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
184	000200	Trần Văn Lâm	12A5	103	13	2.6	121	24	4.2	191	12	3	410	16	4	111	12	3	202	18	4.5	202	13	3.25	104	9	2.25
185	000203	Nguyễn Thị Thùy Linh	12A5	104	18	3.6	122	21	3.68	182	16	4	410	19	4.75	112	17	4.25	202	21	5.25	303	13	3.25	104	20	5
186	000206	Huỳnh Thái Toàn Lợi	12A5	104	17	3.4	124	16	2.8	173	22	5.5	440	14	3.5	112	11	2.75	203	16	4	101	13	3.25	101	17	4.25
187	000214	Tổng Anh Minh	12A5	101	11	2.2	124	21	3.68	173	19	4.75	430	11	2.75	114	15	3.75	203	19	4.75	303	17	4.25	103	18	4.5
188	000216	Lý Nhựt Nam	12A5	102	12	2.4	121	20	3.5	173	22	5.5	420	12	3	113	19	4.75	202	21	5.25	202	8	2	104	15	3.75
189	000222	Nguyễn Thanh Ngân	12A5	101	18	3.6	124	23	4.03	191	19	4.75	430	19	4.75	112	18	4.5	203	21	5.25	101	20	5	101	17	4.25
190	000226	Võ Thùy Ngân	12A5	102	19	3.8	124	29	5.08	164	23	5.75	410	21	5.25	113	20	5	201	23	5.75	202	24	6	104	21	5.25
191	000231	Trương Minh Ngọc	12A5	104	20	4	123	24	4.2	173	24	6	430	18	4.5	114	18	4.5	204	23	5.75	303	18	4.5	101	15	3.75
192	000236	Bùi Thị Yến Nhi	12A5	104	18	3.6	121	25	4.38	182	22	5.5	440	17	4.25	111	14	3.5	204	21	5.25	404	13	3.25	103	17	4.25
193	000244	Phạm Nguyễn Thảo Nhi	12A5	104	22	4.4	121	29	5.08	164	23	5.75	420	20	5	111	21	5.25	202	22	5.5	101	19	4.75	102	17	4.25
194	000246	Tạ Thùy Nhiên	12A5	103	20	4	122	27	4.73	164	20	5	430	19	4.75	113	18	4.5	202	23	5.75	303	17	4.25	104	18	4.5
195	000250	Võ Hoàng Như	12A5	104	13	2.6	121	21	3.68	191	19	4.75	420	13	3.25	113	14	3.5	204	19	4.75	303	15	3.75	101	14	3.5
196	000251	Đinh Thị Nụ	12A5	101	18	3.6	121	25	4.38	164	21	5.25	430	15	3.75	112	17	4.25	204	21	5.25	202	18	4.5	104	19	4.75
197	000254	Phạm Thành Phát	12A5	104	18	3.6	121	19	3.33	191	23	5.75	410	16	4	113	15	3.75	202	22	5.5	101	15	3.75	104	12	3
198	000263	Nguyễn Thị Hoài Phương	12A5	103	17	3.4	121	29	5.08	164	24	6	410	18	4.5	112	15	3.75	202	23	5.75	404	18	4.5	101	19	4.75
199	000270	Đoàn Kiến Quốc	12A5	102	18	3.6	123	24	4.2	173	24	6	440	16	4	113	15	3.75	202	23	5.75	202	16	4	102	17	4.25
200	000274	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	12A5	102	16	3.2	122	20	3.5	164	17	4.25	430	14	3.5	114	17	4.25	204	23	5.75	303	12	3	103	18	4.5
201	000275	Nguyễn Đỗ Thanh Sang	12A5	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
202	000281	Phạm Thanh Tâm	12A5	103	16	3.2	121	21	3.68	164	23	5.75	440	15	3.75	113	14	3.5	201	19	4.75	202	13	3.25	103	15	3.75
203	000290	Lê Thanh Thảo	12A5	103	17	3.4	124	22	3.85	173	22	5.5	410	18	4.5	112	11	2.75	201	19	4.75	101	17	4.25	104	17	4.25
204	000293	Trần Quang Thế	12A5	101	21	4.2	122	24	4.2	182	24	6	430	21	5.25	114	21	5.25	203	23	5.75	303	21	5.25	102	19	4.75
205	000298	Châu Thục Thư	12A5	103	18	3.6	124	28	4.9	191	24	6	410	18	4.5	112	22	5.5	201	23	5.75	101	23	5.75	104	13	3.25
206	000300	Phạm Minh Thư	12A5	101	14	2.8	123	22	3.85	173	21	5.25	420	15	3.75	112	15	3.75	202	20	5	202	13	3.25	103	13	3.25
207	000307	Huỳnh Ngọc Minh Tiến	12A5	102	15	3	122	23	4.03	191	17	4.25	440	13	3.25	113	12	3	203	22	5.5	404	18	4.5	102	14	3.5
208	000312	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	12A5	103	16	3.2	121	31	5.43	191	19	4.75	440	15	3.75	112	18	4.5	204	23	5.75	303	23	5.75	103	19	4.75
209	000320	Nguyễn Đỗ Anh Tuấn	12A5	103	19	3.8	123	20	3.5	182	21	5.25	440	18	4.5	114	15	3.75	204	23	5.75	303	15	3.75	104	13	3.25
210	000324	Lại Thị Minh Uyên	12A5	104	17	3.4	122	10	1.75	173	11	2.75	410	17	4.25	113	12	3	203	22	5.5	202	15	3.75	102	17	4.25
211	000330	Trương Trần Anh Vũ	12A5	102	16	3.2	123	23	4.03	191	24	6	440	19	4.75	113	15	3.75	201	22	5.5	303	16	4	104	16	4
212	000333	Hồ Nguyễn Huyền Vy	12A5	104	20	4	121	25	4.38	182	22	5.5	410	19	4.75	113	14	3.5	204	23	5.75	404	16	4	103	12	3
213	000339	Trần Nguyễn Hà Vy	12A5	103	17	3.4	124	23	4.03	173	16	4	430	11	2.75	111	17	4.25	202	21	5.25	202	17	4.25	103	18	4.5
214	000341	Dương Thị Ngọc Xuân	12A5	102	19	3.8	121	25	4.38	191	23	5.75	420	20	5	113	16	4	204	23	5.75	101	20	5	104	20	5

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
215	000342	Trần Nguyễn Như Ý	12A5	104	14	2.8	121	27	4.73	164	17	4.25	420	19	4.75	112	18	4.5	204	23	5.75	101	19	4.75	104	18	4.5
216	000134	Thái Hồng Anh	12A6	103	16	3.2	121	23	4.03	164	19	4.75	430	12	3	112	18	4.5	201	15	3.75	202	11	2.75	104	17	4.25
217	000136	Trần Ngọc Linh Anh	12A6	102	21	4.2	123	24	4.2	182	24	6	410	21	5.25	114	19	4.75	202	21	5.25	303	21	5.25	103	21	5.25
218	000141	Nguyễn Văn Bằng	12A6	102	20	4	124	22	3.85	173	8	2	430	13	3.25	111	15	3.75	204	15	3.75	404	15	3.75	102	13	3.25
219	000143	Ngô Thanh Bình	12A6	103	15	3	121	25	4.38	191	16	4	420	17	4.25	111	15	3.75	201	16	4	303	17	4.25	101	19	4.75
220	000146	Nguyễn Thị Diệp Chúc	12A6	101	21	4.2	124	25	4.38	164	24	6	440	23	5.75	114	22	5.5	203	23	5.75	303	24	6	102	18	4.5
221	000147	Lê Nguyễn Quốc Cường	12A6	103	7	1.4	122	17	2.98	191	8	2	420	9	2.25	113	14	3.5	203	17	4.25	101	19	4.75	101	17	4.25
222	000149	Trần Lê Phương Dung	12A6	102	12	2.4	123	19	3.33	173	20	5	430	14	3.5	111	12	3	202	15	3.75	404	19	4.75	102	15	3.75
223	000152	Trần Khánh Duy	12A6	101	9	1.8	122	17	2.98	191	10	2.5	420	9	2.25	112	11	2.75	202	14	3.5	101	15	3.75	104	17	4.25
224	000154	Lê Thị Ngọc Duyên	12A6	104	19	3.8	121	22	3.85	191	14	3.5	410	14	3.5	112	11	2.75	203	15	3.75	202	11	2.75	101	10	2.5
225	000156	Nguyễn Thị Thùy Duyên	12A6	101	14	2.8	122	18	3.15	191	20	5	420	16	4	114	16	4	201	23	5.75	303	18	4.5	102	18	4.5
226	000161	Phùng Quốc Đạt	12A6	103	19	3.8	122	24	4.2	164	17	4.25	410	14	3.5	111	16	4	202	20	5	404	16	4	101	19	4.75
227	000166	Lê Thị Hào	12A6	102	19	3.8	123	21	3.68	182	17	4.25	440	18	4.5	112	12	3	201	16	4	202	12	3	103	11	2.75
228	000178	Dương Lê Gia Hòa	12A6	105	3	1.2	120	10	2	182	12	3	111	13	3.25			4	201	4	1	111	6	1.8			
229	000180	Nguyễn Tiến Hoài	12A6	101	18	3.6	121	24	4.2	173	13	3.25	430	20	5	111	16	4	204	23	5.75	202	18	4.5	101	15	3.75
230	000183	Nguyễn Đăng Huy	12A6	104	17	3.4	122	21	3.68	164	20	5	410	9	2.25	114	13	3.25	201	16	4	202	16	4	103	17	4.25
231	000186	Trương Nguyễn Mai Huy	12A6	104	16	3.2	124	25	4.38	182	19	4.75	420	16	4	113	17	4.25	201	20	5	303	21	5.25	102	17	4.25
232	000194	Lê Đức Anh Khoa	12A6	102	15	3	123	25	4.38	164	20	5	420	20	5	113	19	4.75	203	19	4.75	404	16	4	102	18	4.5
233	000204	Phan Khánh Linh	12A6	103	18	3.6	123	25	4.38	191	18	4.5	410	10	2.5	111	14	3.5	204	15	3.75	404	13	3.25	102	12	3
234	000218	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	12A6	101	16	3.2	122	24	4.2	182	18	4.5	430	16	4	113	17	4.25	201	14	3.5	101	14	3.5	101	13	3.25
235	000227	Huỳnh Đức Nghị	12A6	103	19	3.8	124	13	2.28	191	14	3.5	430	8	2	114	13	3.25	204	23	5.75	303	11	2.75	101	13	3.25
236	000233	Nguyễn Thị Nguyên	12A6	103	13	2.6	124	22	3.85	173	18	4.5	420	14	3.5	112	16	4	201	17	4.25	101	18	4.5	103	14	3.5
237	000241	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A6	101	20	4	124	31	5.43	173	22	5.5	410	21	5.25	112	20	5	203	15	3.75	202	15	3.75	102	19	4.75
238	000242	Nguyễn Ý Nhi	12A6	103	16	3.2	124	24	4.2	182	21	5.25	430	10	2.5	113	19	4.75	201	17	4.25	303	16	4	104	18	4.5
239	000249	Huỳnh Phương Như	12A6	104	19	3.8	122	30	5.25	191	24	6	410	20	5	112	23	5.75	201	23	5.75	404	23	5.75	102	18	4.5
240	000255	Nguyễn Thị Yến Phi	12A6	101	20	4	121	20	3.5	164	19	4.75	410	21	5.25	112	15	3.75	202	19	4.75	404	19	4.75	103	17	4.25
241	000261	Lê Hải Phương	12A6	104	13	2.6	124	26	4.55	182	7	1.75	440	10	2.5	114	15	3.75	203	14	3.5	101	13	3.25	101	15	3.75
242	000266	Đào Minh Quân	12A6	102	15	3	123	24	4.2	191	11	2.75	420	10	2.5	113	16	4	204	16	4	404	13	3.25	103	19	4.75
243	000276	Nguyễn Thế Sang	12A6	102	19	3.8	124	24	4.2	182	21	5.25	420	17	4.25	111	19	4.75	204	18	4.5	202	18	4.5	101	19	4.75
244	000280	Đỗ Cao Minh Tâm	12A6	104	9	1.8	122	20	3.5	182	3	0.75	420	12	3	112	13	3.25	202	15	3.75	202	14	3.5	104	17	4.25
245	000283	Thạch Phú Tân	12A6	102	10	2	122	15	2.63	164	10	2.5	410	16	4	111	12	3	204	15	3.75	404	17	4.25	104	16	4

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
246	000285	Trần Tân Thanh	12A6	101	8	1.6	123	20	3.5	164	23	5.75	440	19	4.75	114	16	4	203	22	5.5	303	17	4.25	101	14	3.5
247	000287	Phạm Quang Thành	12A6	104	16	3.2	124	24	4.2	164	14	3.5	420	10	2.5	111	9	2.25	202	17	4.25	202	16	4	102	11	2.75
248	000296	Nguyễn Thị Kim Thoa	12A6	104	17	3.4	123	21	3.68	191	16	4	440	19	4.75	112	14	3.5	202	11	2.75	303	13	3.25	104	10	2.5
249	000297	Nguyễn Phan Huy Thuận	12A6	103	15	3	121	25	4.38	182	9	2.25	430	12	3	111	11	2.75	201	12	3	202	17	4.25	103	18	4.5
250	000301	Thái Thị Anh Thư	12A6	103	17	3.4	121	24	4.2	164	20	5	430	13	3.25	111	17	4.25	202	15	3.75	303	16	4	103	16	4
251	000302	Nguyễn Thị Hoài Thương	12A6	104	18	3.6	124	29	5.08	191	16	4	430	19	4.75	112	17	4.25	201	20	5	101	18	4.5	104	16	4
252	000303	Mai Thy Thy	12A6	102	19	3.8	122	29	5.08	182	21	5.25	420	12	3	111	16	4	201	17	4.25	404	18	4.5	104	18	4.5
253	000305	Lê Trần Nhật Tiên	12A6	103	9	1.8	121	19	3.33	164	7	1.75	410	7	1.75	113	12	3	204	9	2.25	303	12	3	101	20	5
254	000308	Lê Trọng Tín	12A6	101	19	3.8	121	30	5.25	164	19	4.75	420	20	5	114	19	4.75	202	19	4.75	202	21	5.25	102	17	4.25
255	000323	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	12A6	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
256	000327	Bùi Nguyễn Tấn Vũ	12A6	101	12	2.4	122	21	3.68	164	7	1.75	440	8	2	114	7	1.75	204	13	3.25	303	12	3	101	13	3.25
257	000328	Nguyễn Hoàng Vũ	12A6	103	17	3.4	122	26	4.55	173	19	4.75	410	20	5	111	16	4	204	15	3.75	404	17	4.25	104	16	4
258	000335	Nguyễn Huỳnh Thanh Vy	12A6	101	11	2.2	122	23	4.03	164	11	2.75	440	9	2.25	114	10	2.5	202	21	5.25	303	17	4.25	104	11	2.75
259	000336	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12A6	103	22	4.4	122	25	4.38	173	19	4.75	410	19	4.75	111	18	4.5	204	18	4.5	404	15	3.75	103	17	4.25
260	000343	Trần Nguyễn Như Ý	12A6	103	12	2.4	122	19	3.33	173	15	3.75	430	17	4.25	114	17	4.25	202	11	2.75	202	16	4	101	15	3.75
261	000130	Ngô Quang Tuấn Anh	12A7	103	22	4.4	124	27	4.73	164	20	5	430	18	4.5	114	15	3.75	201	18	4.5	404	18	4.5	104	18	4.5
262	000135	Trần Ngọc Anh	12A7	101	20	4	121	26	4.55	191	23	5.75	440	18	4.5	111	20	5	201	22	5.5	303	21	5.25	103	16	4
263	000138	Phạm Huỳnh Ngọc Hiếu Ân	12A7	103	15	3	122	24	4.2	164	16	4	430	17	4.25	114	17	4.25	203	20	5	404	18	4.5	104	20	5
264	000145	Nguyễn Thảo Chi	12A7	102	18	3.6	123	21	3.68	173	17	4.25	430	10	2.5	113	10	2.5	202	15	3.75	202	13	3.25	102	13	3.25
265	000148	Lê Thanh Danh	12A7	104	18	3.6	124	33	5.78	182	20	5	420	16	4	112	14	3.5	202	22	5.5	202	19	4.75	101	18	4.5
266	000157	Nguyễn Hùng Dương	12A7	103	14	2.8	124	21	3.68	182	9	2.25	410	9	2.25	111	14	3.5	204	8	2	202	18	4.5	103	15	3.75
267	000158	Phạm Đoàn Ánh Dương	12A7	104	16	3.2	121	16	2.8	173	21	5.25	410	18	4.5	114	18	4.5	201	21	5.25	404	17	4.25	103	20	5
268	000165	Huỳnh Phú Hào	12A7	101	16	3.2	122	22	3.85	191	8	2	430	10	2.5	113	15	3.75	204	14	3.5	202	16	4	103	12	3
269	000170	Đỗ Ngọc Bảo Hân	12A7	102	13	2.6	121	27	4.73	164	16	4	440	19	4.75	112	15	3.75	202	19	4.75	404	16	4	101	17	4.25
270	000181	Lưu Văn Hoàng	12A7	102	17	3.4	124	29	5.08	182	17	4.25	440	18	4.5	112	16	4	202	23	5.75	303	17	4.25	104	19	4.75
271	000182	Đinh Tiến Lê Huy	12A7	103	18	3.6	122	16	2.8	191	11	2.75	440	19	4.75	113	17	4.25	203	17	4.25	303	11	2.75	104	18	4.5
272	000190	Lê Quỳnh Hương	12A7	102	18	3.6	122	22	3.85	191	8	2	440	10	2.5	113	15	3.75	201	17	4.25	404	11	2.75	104	11	2.75
273	000202	Nguyễn Hồng Thùy Linh	12A7	104	22	4.4	122	29	5.08	191	24	6	440	22	5.5	113	17	4.25	201	23	5.75	303	22	5.5	101	18	4.5
274	000207	Nguyễn Hồng Lụa	12A7	104	17	3.4	124	21	3.68	164	19	4.75	410	12	3	114	17	4.25	203	18	4.5	101	13	3.25	104	17	4.25
275	000210	Nguyễn Ngọc Phương Mai	12A7	104	18	3.6	122	27	4.73	173	18	4.5	440	17	4.25	111	16	4	202	20	5	303	19	4.75	103	17	4.25
276	000211	Vô Xuân Mai	12A7	104	16	3.2	122	26	4.55	164	21	5.25	410	18	4.5	114	17	4.25	201	23	5.75	303	15	3.75	102	12	3

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
277	000215	Trần Ngọc Kiều My	12A7	101	24	4.8	124	27	4.73	164	24	6	430	20	5	112	19	4.75	203	23	5.75	101	20	5	102	18	4.5
278	000224	Nguyễn Thiên Ngân	12A7	104	17	3.4	121	26	4.55	191	11	2.75	440	15	3.75	111	12	3	201	18	4.5	404	16	4	102	15	3.75
279	000225	Phạm Trần Thành Ngân	12A7	101	18	3.6	123	24	4.2	191	12	3	420	7	1.75	112	14	3.5	203	12	3	101	12	3	102	13	3.25
280	000228	Lý Thị Hồng Ngọc	12A7	101	16	3.2	121	23	4.03	164	21	5.25	440	20	5	111	19	4.75	202	23	5.75	404	16	4	102	17	4.25
281	000235	Văn Nguyễn Minh Nhật	12A7	104	16	3.2	121	22	3.85	173	6	1.5	430	13	3.25	114	16	4	202	18	4.5	303	18	4.5	104	13	3.25
282	000238	Huỳnh Yến Nhi	12A7	104	20	4	122	19	3.33	182	22	5.5	430	14	3.5	113	12	3	203	23	5.75	303	17	4.25	101	12	3
283	000240	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	12A7	104	19	3.8	123	26	4.55	182	21	5.25	420	16	4	111	19	4.75	204	22	5.5	101	14	3.5	103	17	4.25
284	000248	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12A7	101	17	3.4	123	28	4.9	164	24	6	420	20	5	111	19	4.75	201	23	5.75	101	21	5.25	103	18	4.5
285	000257	Lê Hoàng Kim Phụng	12A7	104	16	3.2	124	26	4.55	182	21	5.25	420	20	5	114	14	3.5	201	23	5.75	303	19	4.75	103	18	4.5
286	000268	Nguyễn Duy Quân	12A7	103	19	3.8	122	22	3.85	173	16	4	430	14	3.5	111	14	3.5	203	14	3.5	303	13	3.25	102	17	4.25
287	000271	Lê Thiên Quy	12A7	103	18	3.6	123	27	4.73	182	19	4.75	410	15	3.75	112	15	3.75	202	20	5	404	19	4.75	104	17	4.25
288	000278	Bạch Văn Tài	12A7	101	11	2.2	121	16	2.8	182	9	2.25	430	7	1.75	113	12	3	203	19	4.75	404	16	4	102	11	2.75
289	000282	Cao Hoàng Duy Tân	12A7	103	14	2.8	123	23	4.03	191	11	2.75	430	12	3	112	8	2	201	15	3.75	404	14	3.5	103	16	4
290	000284	Nguyễn Thị Kim Thanh	12A7	102	15	3	122	18	3.15	191	23	5.75	420	16	4	114	17	4.25	204	19	4.75	202	16	4	102	15	3.75
291	000286	Hồ Văn Quang Thành	12A7	101	17	3.4	121	20	3.5	173	13	3.25	430	11	2.75	113	14	3.5	203	17	4.25	404	14	3.5	101	15	3.75
292	000289	Đặng Phan Phúc Thảo	12A7	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
293	000292	Nguyễn Đức Thắng	12A7	102	19	3.8	121	30	5.25	173	15	3.75	440	11	2.75	113	13	3.25	204	7	1.75	303	20	5	101	14	3.5
294	000295	Nguyễn Trường Thịnh	12A7	104	21	4.2	123	25	4.38	182	22	5.5	420	20	5	111	19	4.75	202	23	5.75	101	22	5.5	101	16	4
295	000299	Nguyễn Lê Anh Thư	12A7	103	20	4	122	24	4.2	191	24	6	410	20	5	114	21	5.25	204	23	5.75	101	21	5.25	104	20	5
296	000309	Trần Mạnh Toàn	12A7	103	14	2.8	123	24	4.2	173	20	5	430	16	4	113	12	3	202	21	5.25	303	19	4.75	102	14	3.5
297	000310	Lê Thị Thùy Trang	12A7	104	18	3.6	122	28	4.9	182	18	4.5	410	13	3.25	114	14	3.5	201	23	5.75	101	19	4.75	104	17	4.25
298	000317	Mai Nguyễn Bảo Trúc	12A7	101	19	3.8	121	21	3.68	191	17	4.25	440	19	4.75	111	15	3.75	202	18	4.5	101	22	5.5	103	15	3.75
299	000318	Lê Mỹ Tú	12A7	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
300	000319	Nguyễn Phong Tú	12A7	104	19	3.8	122	22	3.85	173	19	4.75	430	17	4.25	111	15	3.75	201	21	5.25	202	18	4.5	104	14	3.5
301	000329	Trần Thanh Vũ	12A7	104	19	3.8	123	23	4.03	182	14	3.5	410	11	2.75	112	14	3.5	203	16	4	404	20	5	103	13	3.25
302	000337	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12A7	102	16	3.2	123	25	4.38	191	12	3	420	9	2.25	112	15	3.75	203	22	5.5	101	13	3.25	101	14	3.5
303	000338	Thạch Hồng Thảo Vy	12A7	104	19	3.8	123	30	5.25	164	23	5.75	420	22	5.5	113	22	5.5	203	23	5.75	404	18	4.5	102	17	4.25
304	000346	Lương Nguyễn Hải Yến	12A7	104	16	3.2	123	26	4.55	164	17	4.25	420	19	4.75	113	12	3	203	22	5.5	101	20	5	104	17	4.25
305	000129	Dương Trần Chí Tài Anh	12A8	104	15	3	123	27	4.73	173	18	4.5	410	16	4	113	18	4.5	204	18	4.5	202	12	3	104	18	4.5
306	000133	Phạm Nguyễn Hoàng Anh	12A8	104	20	4	122	32	5.6	173	21	5.25	410	18	4.5	111	20	5	204	19	4.75	404	21	5.25	104	18	4.5
307	000144	Chu Thị Quỳnh Chi	12A8	104	12	2.4	123	24	4.2	182	20	5	420	18	4.5	114	11	2.75	202	16	4	404	11	2.75	103	15	3.75

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
308	000150	Hoàng Đình Đức Dũng	12A8	101	21	4.2	121	23	4.03	164	9	2.25	440	11	2.75	112	13	3.25	203	16	4	101	15	3.75	102	17	4.25
309	000153	Cao Thị Mỹ Duyên	12A8	103	17	3.4	124	23	4.03	182	16	4	410	17	4.25	113	12	3	202	18	4.5	404	21	5.25	101	19	4.75
310	000162	Nguyễn Thiện Đức	12A8	104	19	3.8	123	28	4.9	173	22	5.5	440	22	5.5	114	14	3.5	204	21	5.25	202	21	5.25	101	18	4.5
311	000168	Lê Thị Kim Hằng	12A8	103	15	3	122	26	4.55	182	19	4.75	430	15	3.75	112	16	4	203	15	3.75	101	15	3.75	104	13	3.25
312	000169	Phạm Như Minh Hằng	12A8	101	18	3.6	124	33	5.78	191	22	5.5	430	21	5.25	113	18	4.5	201	19	4.75	404	18	4.5	101	16	4
313	000177	Phạm Thị Kim Hoa	12A8	102	18	3.6	122	29	5.08	191	20	5	420	14	3.5	111	13	3.25	202	18	4.5	303	14	3.5	103	13	3.25
314	000184	Nguyễn Lâm Nghĩa Huy	12A8	103	16	3.2	123	23	4.03	182	18	4.5	410	13	3.25	111	14	3.5	202	12	3	202	11	2.75	103	12	3
315	000188	Lâm Quốc Hưng	12A8	101	20	4	121	23	4.03	191	23	5.75	430	14	3.5	111	18	4.5	202	19	4.75	101	19	4.75	101	18	4.5
316	000191	Bùi Huy Khang	12A8	102	19	3.8	121	29	5.08	164	23	5.75	440	14	3.5	114	17	4.25	203	19	4.75	404	16	4	103	20	5
317	000197	Nguyễn Võ Anh Khoa	12A8	101	12	2.4	123	31	5.43	182	5	1.25	410	7	1.75	112	6	1.5	202	12	3	101	12	3	104	16	4
318	000198	Nguyễn Văn Kiệt	12A8	102	19	3.8	121	22	3.85	173	24	6	430	11	2.75	113	11	2.75	203	19	4.75	303	13	3.25	104	14	3.5
319	000199	Võ Tấn Lành	12A8	103	19	3.8	124	21	3.68	182	11	2.75	410	12	3	114	18	4.5	201	21	5.25	404	20	5	103	18	4.5
320	000205	Trần Ngọc Linh	12A8	103	16	3.2	123	29	5.08	182	9	2.25	440	15	3.75	114	13	3.25	204	17	4.25	202	15	3.75	103	15	3.75
321	000208	Hồ Cẩm Ly	12A8	103	20	4	121	25	4.38	173	20	5	410	19	4.75	111	19	4.75	201	19	4.75	202	17	4.25	102	15	3.75
322	000219	Nguyễn Dương Kim Ngân	12A8	101	19	3.8	122	21	3.68	182	23	5.75	430	19	4.75	112	15	3.75	202	13	3.25	303	12	3	104	13	3.25
323	000220	Nguyễn Hồng Ngân	12A8	102	16	3.2	123	22	3.85	191	23	5.75	420	17	4.25	111	10	2.5	204	17	4.25	404	15	3.75	102	12	3
324	000232	Nguyễn Danh Thảo Nguyên	12A8	102	17	3.4	123	25	4.38	182	16	4	440	15	3.75	111	14	3.5	202	12	3	404	14	3.5	102	17	4.25
325	000234	Trần Huỳnh Trương Nguyễn	12A8	101	16	3.2	124	25	4.38	182	14	3.5	410	16	4	113	15	3.75	203	16	4	202	11	2.75	101	13	3.25
326	000237	Hoàng Yến Nhi	12A8	103	17	3.4	122	25	4.38	173	23	5.75	410	11	2.75	112	9	2.25	201	15	3.75	202	14	3.5	102	18	4.5
327	000243	Nguyễn Yến Nhi	12A8	102	15	3	121	23	4.03	191	4	1	440	8	2	114	7	1.75	204	13	3.25	404	6	1.5	101	14	3.5
328	000247	Hà Thị Tuyết Nhung	12A8	103	18	3.6	123	26	4.55	191	23	5.75	440	20	5	114	19	4.75	204	21	5.25	101	22	5.5	101	13	3.25
329	000252	Nguyễn Phạm Kiều Oanh	12A8	101	19	3.8	124	25	4.38	191	22	5.5	420	19	4.75	111	19	4.75	203	20	5	404	20	5	104	17	4.25
330	000256	Bùi Đào Tấn Phúc	12A8	101	16	3.2	124	23	4.03	173	19	4.75	440	15	3.75	111	12	3	201	19	4.75	202	20	5	104	13	3.25
331	000258	Mai Lê Hữu Phước	12A8	104	16	3.2	123	20	3.5	173	16	4	430	19	4.75	113	7	1.75	204	15	3.75	303	17	4.25	102	15	3.75
332	000259	Đặng Nguyễn Thảo Phương	12A8	101	21	4.2	121	27	4.73	182	20	5	430	22	5.5	112	23	5.75	204	21	5.25	202	16	4	102	18	4.5
333	000265	Phạm Nhật Quang	12A8	102	15	3	124	28	4.9	164	12	3	420	9	2.25	114	7	1.75	201	12	3	303	12	3	103	15	3.75
334	000267	Đặng Anh Quân	12A8	103	16	3.2	123	24	4.2	164	10	2.5	430	10	2.5	112	12	3	204	14	3.5	202	9	2.25	101	16	4
335	000272	Nguyễn Lê Thục Quyên	12A8	103	13	2.6	122	20	3.5	173	8	2	410	9	2.25	111	11	2.75	201	14	3.5	101	14	3.5	102	15	3.75
336	000288	Phan Tấn Thành	12A8	104	21	4.2	123	24	4.2	173	21	5.25	440	14	3.5	112	18	4.5	202	15	3.75	303	15	3.75	103	20	5
337	000294	Phạm Minh Thiện	12A8	101	13	2.6	122	28	4.9	191	10	2.5	410	12	3	113	11	2.75	203	16	4	101	15	3.75	102	18	4.5
338	000304	Vũ Ngọc Bảo Thy	12A8	101	18	3.6	123	24	4.2	173	13	3.25	440	19	4.75	114	12	3	204	19	4.75	202	16	4	103	13	3.25

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	TOÁN			ANH			LÝ			HÓA			SINH			SỬ			ĐỊA			GDCD		
				Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm	Mã đề	Số câu	Điểm
339	000311	Phạm Thị Thùy Trang	12A8	102	19	3.8	124	24	4.2	191	19	4.75	410	10	2.5	113	16	4	201	19	4.75	404	16	4	104	17	4.25
340	000313	Nguyễn Phương Trâm	12A8	101	21	4.2	123	27	4.73	182	23	5.75	420	20	5	111	13	3.25	204	20	5	101	20	5	101	16	4
341	000314	Nguyễn Thụy Huyền Trâm	12A8	102	18	3.6	122	22	3.85	173	11	2.75	430	15	3.75	112	10	2.5	203	22	5.5	404	13	3.25	101	18	4.5
342	000315	Hồ Ngọc Trí	12A8	104	20	4	124	26	4.55	164	15	3.75	410	11	2.75	111	14	3.5	203	22	5.5	202	14	3.5	102	12	3
343	000316	Huỳnh Thị Thanh Trúc	12A8	103	18	3.6	123	22	3.85	164	14	3.5	420	12	3	112	15	3.75	202	17	4.25	303	18	4.5	102	18	4.5
344	000322	Nguyễn Phan Thanh Tuyền	12A8	102	16	3.2	124	26	4.55	164	9	2.25	430	11	2.75	114	9	2.25	203	10	2.5	404	14	3.5	101	15	3.75
345	000326	Lê Quách Triệu Vĩ	12A8	102	19	3.8	121	28	4.9	191	19	4.75	440	15	3.75	112	14	3.5	202	15	3.75	202	15	3.75	104	18	4.5
346	000331	Võ Anh Vũ	12A8	101	17	3.4	124	24	4.2	164	18	4.5	440	12	3	111	11	2.75	201	15	3.75	303	13	3.25	102	17	4.25
347	000340	Trương Thúy Vy	12A8	101	20	4	124	24	4.2	182	21	5.25	430	16	4	114	13	3.25	201	15	3.75	202	19	4.75	103	21	5.25
348	000347	Nguyễn Lê Kim Yến	12A8	103	13	2.6	124	26	4.55	173	17	4.25	430	17	4.25	111	13	3.25	203	16	4	202	13	3.25	102	16	4
349	000348	Nguyễn Thị Yến	12A8	101	18	3.6	124	25	4.38	182	20	5	430	15	3.75	114	10	2.5	201	19	4.75	101	20	5	103	15	3.75